ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 26 tháng 12 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2014 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 261/TTr-SGTVT ngày 03/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL–Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử Thái Bình;
- Phòng Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTXDGT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã) trên địa bàn tỉnh Thái Bình gồm: Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thẩm định an toàn giao thông; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

2. Công trình đường bộ gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

3. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

4. Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

5. Dải phân cách là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ. Dải phân cách gồm loại cố định và loại di động.

6. Nơi đường giao nhau cùng mức (sau đây gọi là nơi đường giao nhau) là nơi hai hay nhiều đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, gồm cả mặt bằng hình thành vị trí giao nhau đó.

7. Đường chính là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

8. Đường nhánh là đường nối vào đường chính.

9. Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

10. Đường gom là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại, dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

11. Quốc lộ là đường do Bộ Giao thông Vận tải giao Tổng cục Đường bộ Việt nam quản lý hoặc ủy thác cho Sở Giao thông vận tải quản lý khai thác và bảo trì.

12. Đường tỉnh là đường do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Giao thông vận tải quản lý khai thác và bảo trì.

13. Đường huyện là đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý khai thác và bảo trì.

14. Đường xã là đường do Ủy ban nhân dân xã quản lý khai thác và bảo trì bao gồm đường trục xã, trục thôn và đường nhánh, đường giao thông nội đồng.

15. Đường đô thị (hay đường phố) là đường bộ nằm trong phạm vi nội thành, nội thị, được giới hạn bởi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

16. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II
QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm: Phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh

dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II;

b) 02 mét đối với đường cấp III;

c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và thực hiện như sau:

Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất dành cho đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc dưới đây:

a) Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Rà soát, xác định giới hạn phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ

Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định như sau:

1. Đối với đường ngoài đô thị: Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là:

a) 17 mét đối với đường cấp I, cấp II;

b) 13 mét đối với đường cấp III;

c) 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V;

d) 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

2. Đối với đường đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với đường cao tốc ngoài đô thị:

a) 17 mét, tính từ đất của đường bộ ra mỗi bên;

b) 20 mét, tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với cầu cạn và hầm;

c) Trường hợp đường cao tốc có đường bên, căn cứ vào cấp kỹ thuật của đường bên để xác định hành lang an toàn theo Khoản 1 Điều này nhưng không được nhỏ hơn giới hạn hành lang an toàn được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này.

4. Đối với đường cao tốc trong đô thị:

a) Không nhỏ hơn 10 mét tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với hầm và cầu cạn;

b) Là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hầm và cầu cạn có đường bên và đường cao tốc có đường bên;

c) Từ mép ngoài của mặt đường đến chỉ giới đường đỏ, nhưng không nhỏ hơn 10 mét đối với đường cao tốc không có đường bên.

5. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa thì ranh giới hành lang an toàn là mép bờ tự nhiên.

Điều 6. Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống

1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị

a) Theo chiều dọc cầu tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên:

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên;
- 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét.

b) Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ trở ra mỗi phía:

- 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét;
- 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét;
- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét;
- 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

2. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường trong đô thị

a) Theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị;

b) Theo chiều ngang cầu, đối với phần cầu chạy trên cạn kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài lan can ngoài cùng của cầu ra mỗi bên 07 mét, phần mố cầu lấy như hành lang đường đô thị; đối với phần cầu còn lại, quy định như Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt, hầm chui và cầu dành cho người đi bộ qua đường theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hành lang an toàn đối với cống tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống.

Điều 7. Giới hạn hành lang an toàn đối với hầm đường bộ

1. Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị là vùng đất, vùng nước xung quanh công trình được tính từ điểm ngoài cùng của công trình hầm trở ra là 100 mét.

2. Đối với hầm đường bộ trong đô thị do tư vấn thiết kế xác định trên cơ sở đảm bảo an toàn bền vững hầm trong hồ sơ thiết kế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Giới hạn hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao

1. Theo chiều dọc: Bằng chiều dài đường xuống bến phà, cầu phao.

2. Theo chiều ngang: Từ tim bến phà, cầu phao trở ra mỗi phía thượng lưu, hạ lưu là 150 mét.

Điều 9. Giới hạn hành lang an toàn đối với kè bảo vệ đường bộ

1. Kè chống xói để bảo vệ nền đường

a) Từ đầu kè và từ cuối kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét;

b) Từ chân kè trở ra sông 20 mét.

2. Kè chỉnh trị dòng nước

a) Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét;

b) Từ gốc kè trở vào bờ 50 mét;

c) Từ chân đầu kè trở ra sông 20 mét.

3. Trường hợp hành lang an toàn của kè bảo vệ đường bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chồng lấn với hành lang an toàn của đê điều thì ranh giới là điểm giữa của khoảng cách giữa hai điểm ngoài cùng của hai công trình.

Điều 10. Phạm vi bảo vệ đối với một số công trình khác trên đường bộ

Phạm vi bảo vệ đối với bến xe, bãi đỗ xe, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu đường, trạm dừng nghỉ và các công trình phục vụ quản lý đường bộ là phạm vi vùng đất, vùng nước thuộc diện tích của công trình; diện tích của công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 11. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần trên không của công trình đường bộ xây dựng mới

Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ đối với phần trên không được quy định như sau:

1. Đối với đường là 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng. Đối với đường cao tốc theo tiêu chuẩn quốc gia.

2. Đối với cầu là bộ phận kết cấu cao nhất của cầu, nhưng không thấp hơn 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt cầu (phần xe chạy) trở lên theo phương thẳng đứng.

3. Chiều cao đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ điểm cao nhất của mặt đường đến đường dây thông tin theo phương thẳng đứng là 5,50 mét.

4. Chiều cao đường dây tải điện đi phía trên đường bộ hoặc gắn trực tiếp trên kết cấu của cầu phải bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải và an toàn lưới điện tùy theo điện áp của đường dây điện.

Điều 12. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ

1. Các cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn phải cách ranh giới ngoài của hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách tương ứng vùng ảnh hưởng do cơ sở sản xuất gây ra.

2. Lò vôi, lò gạch hoặc các cơ sở sản xuất tương tự phải nằm ngoài và cách hành lang an toàn đường bộ 25 mét.

3. Chợ, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và tổ chức điểm đấu nối ra, vào đường bộ theo quy định.

4. Các kho chứa vật liệu nổ, vật liệu có nguy cơ cháy cao, hóa chất độc hại, các mỏ khai thác vật liệu có sử dụng mìn phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải do cháy, nổ và ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

5. Các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác, trừ các công trình đã quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và cách hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách theo không gian kiến trúc quy định về khoảng cách xây dựng công trình.

6. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Điều 13. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang

Đối với công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện, tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột và không được nhỏ hơn 05 mét. Các trường hợp khác, do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Điều 14. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước

Phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước đối với công trình đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình và không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 15. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ ủy thác và đường tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện và đường đô thị được giao quản lý; phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn xã. Thôn, xóm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đối với đường trục thôn, trục nội đồng, đường nhánh thuộc thôn xóm.

4. Chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu xây dựng công trình chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường chuyên dùng.

Chương III
SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1
Sử dụng tạm thời đường bộ vào mục đích khác

Điều 16. Sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để tiến hành hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận cho phép sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hóa ít nhất là 10 ngày làm việc để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

- Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên quốc lộ ủy thác quản lý và đường tỉnh, đường đô thị được giao quản lý khai thác.

- Ủy ban nhân dân huyện, chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường huyện do địa phương quản lý hoặc đối với hoạt động văn hóa diễn ra đồng thời trên cả đường huyện và đường xã trong địa bàn huyện quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường xã trong địa bàn quản lý.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục được quy định tại Điều 27 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cho phép sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị được chấp thuận sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian sử dụng đường bộ;

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình tổ chức hoạt động văn hóa trên đường bộ.

b) Số lượng hồ sơ: 01bộ.

4. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, thống nhất bằng văn bản về phương án bảo đảm an toàn giao thông trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. Trường hợp cần hạn chế giao thông hoặc cấm đường thì cơ quan quản lý đường bộ phải ra thông báo phương án phân luồng giao thông; cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ hoạt động văn hóa phải đăng tải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước 05 ngày diễn ra hoạt động văn hóa.

5. Cơ quan, tổ chức chủ trì hoạt động văn hóa chịu trách nhiệm thu dọn các phương tiện, thiết bị và hoàn trả hiện trạng đường bộ khi kết thúc hoạt động văn hóa; chịu trách nhiệm về việc mất an toàn giao thông do không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong phương án đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất.

Điều 17. Sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông

1. Việc sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông, không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

2. Hè phố được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây:

a) Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 30 ngày; trường hợp thời gian sử dụng tạm thời lớn hơn 30 ngày phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận;

b) Tổ chức đám tang và điểm trông, giữ xe phục vụ đám tang của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ, trường hợp đặc biệt không quá 72 giờ;

c) Tổ chức đám cưới và điểm trông, giữ xe phục vụ đám cưới của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ;

d) Điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá thời gian tổ chức hoạt động văn hóa đó;

đ) Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình; thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Vị trí hè phố được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Phần hè phố còn lại dành cho người đi bộ có bề rộng tối thiểu đạt 1,5 mét;

b) Hè phố có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Đối với trường hợp sử dụng hè phố quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này, hộ gia đình phải thông báo với Ủy ban nhân phường, thị trấn sở tại trước khi sử dụng tạm thời một phần hè phố. Đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, d, đ Khoản 2 Điều này, Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thủ tục hành chính và cấp phép sử dụng tạm thời hè phố.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông phải hoàn trả đúng hiện trạng ban đầu của hè phố để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

Điều 18. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông

1. Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

2. Lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây:

a) Điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời lòng đường không quá thời gian tổ chức hoạt động đó;

b) Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị; thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Vị trí lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Không thuộc tuyến quốc lộ đi qua đô thị;

b) Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cho một chiều đi;

c) Lòng đường có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thủ tục hành chính và cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường không vào mục đích giao thông được quy định tại Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông phải hoàn trả đúng hiện trạng ban đầu của lòng đường để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Mục 2
Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Điều 19. Sử dụng đất dành cho đường bộ

1. Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ, sử dụng và khai thác để phục vụ cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Việc xây dựng một số công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm khai thác an toàn công trình đường bộ và chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Công trình phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng;

b) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đấu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đấu nối vào quốc lộ thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đấu nối trong quy hoạch đấu nối của Ủy ban nhân dân tỉnh đã thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải.

4. Không sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ; neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy, gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

Điều 20. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 1, Điều này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục được quy định tại Điều 27 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bản chính *(theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo Quy định này);*

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình);

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và phải chịu hoàn toàn kinh phí liên quan đến việc di chuyển công trình (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình bản chính *(theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo Quy định này).*

b) Thời gian giải quyết: Trong 08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Thời gian gia hạn: Chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng.

d) Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 27 của Quy định này.

Điều 21. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

c) Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

d) Gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 1, Điều 20 Quy định này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục được quy định tại Điều 27 của Quy định này.

3. Hồ sơ xin cấp Giấy phép thi công:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình bản chính *(theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này);*

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu công trình xây dựng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ.

Điều 22. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được quy định như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh được giao quản lý khai thác.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 23. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với hệ thống đường địa phương đang khai thác.

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do cơ quan chủ quản là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý đường bộ để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên hệ thống đường địa phương đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông, cụ thể như sau:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình bản chính *(theo mẫu tại phụ lục 3 kèm theo Quy định này);*

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 24. Đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ;

c) Đường chuyên dùng: Đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Theo quy hoạch phát triển giao thông toàn bộ đường tỉnh được xây dựng theo tiêu chuẩn tối thiểu là đường cấp III đồng bằng các vị trí đấu nối vào đường tỉnh sẽ được quy hoạch theo đúng quy định của Thông tư 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải thông qua hệ thống các đường gom. Những vị trí đấu nối đường huyện, đường xã phù hợp với quy định thì giữ nguyên, những vị trí không phù hợp sẽ xóa bỏ chỉ đấu vào đường gom. Hiện tại hệ thống đường gom chưa được xây dựng tạm thời giữ nguyên các vị trí đấu nối đường huyện, đường xã, đường đô thị vào đường tỉnh; khi thực hiện cải tạo các điểm đấu nối của đường huyện, đường trục chính xã với đường tỉnh chủ đầu tư phải thống nhất phương án với Sở Giao thông vận tải.

Khi quy hoạch các khu dân cư mới, khu công nghiệp không đấu nối trực tiếp vào đường tỉnh mà phải thông qua đường gom, đường gom phải nằm ngoài phần đất dành cho đường bộ (ngoài hành lang giao thông) khoảng cách tối thiểu giữa các điểm đấu nối từ đường gom vào đường tỉnh là 1500m. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư phải thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải và phải được Sở Giao thông vận tải chấp thuận bằng văn bản.

3. Đấu nối các cửa hàng xăng dầu: Vị trí đấu nối các cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh phê duyệt. Trường hợp có phát sinh bổ sung thêm ngoài các vị trí đã được phê duyệt trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung chủ đầu tư phải thỏa thuận và có văn bản chấp thuận của Sở Giao thông vận tải về vị trí đặt cửa hàng xăng dầu.

Thiết kế nút giao của cửa hàng xăng dầu vào đường tỉnh phải có đường ra, đường vào, đảo giao thông phân luồng đường ra đường vào, rãnh thoát nước. Cao độ đường ra, vào cửa hàng xăng dầu hoặc các công trình khác phải thấp hơn cao độ mặt đường đảm bảo thoát nước trong khu vực và thoát nước mặt đường (ở những đoạn đường chưa xây dựng rãnh thoát nước).

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh (đường huyện, đường trục xã) đấu nối vào đường tỉnh phải phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

5. Đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập quy hoạch các điểm đấu nối theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào hệ thống đường địa phương

1. Cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào hệ thống đường địa phương được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Quy định này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (*bản chính theo mẫu đơn tại phụ lục 4 kèm theo Quy định này);*

- Văn bản chấp thuận của Sở Giao thông vận tải cho phép đấu nối hoặc cải tạo đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh (bản sao chụp);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền (bản sao) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 26. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của Sở Giao thông vận tải, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

b) Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;

c) Phê duyệt dự án, công trình nút giao theo quy định hiện hành.

d. Gửi hồ sơ đã được phê duyệt đến Sở Giao thông vận tải để quản lý kiểm tra.

2. Sau khi dự án, công trình nút giao được phê duyệt, trước khi tiến hành thi công xây dựng, đơn vị thi công phải xin cấp phép thi công nút giao trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Quy định này.

b) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính *theo mẫu tại phụ lục 3 kèm theo Quy định này);*

- Văn bản chấp thuận thiết kế hoặc chấp thuận xây dựng nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững của công trình đường bộ.

5. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định.

Điều 27. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Cách thức thực hiện: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Trình tự thực hiện như sau:

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền;

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả;

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 28. Đảm bảo giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

Thực hiện theo quy định từ Điều 31 đến Điều 48 của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 ngày 02 tháng 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương IV
THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 29. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo:

- Để đảm bảo an toàn giao thông, tất cả các công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, trước khi đưa vào khai thác sử dụng phải được thẩm định an toàn giao thông.

- Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án: Quyết định thẩm định an toàn giao thông.

- Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông, tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông (kể cả các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO).

- Đối với đường chuyên dùng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định đầu tư dự án quyết định thẩm định an toàn giao thông, tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác:

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thẩm định an toàn giao thông đối với các tuyến đường tỉnh. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, tổ chức thẩm định an toàn giao thông.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thẩm định an toàn giao thông đối với đường do huyện, thành phố quản lý. Phòng Quản lý đô thị, phòng Công thương huyện, thành phố chủ trì, tổ chức thẩm định an toàn giao thông.

- Việc thẩm định an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác thực hiện như quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Việc thẩm định an toàn giao thông của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông.

Điều 30. Thẩm tra an toàn giao thông

Việc thẩm tra an toàn giao thông do một tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thẩm tra an toàn giao thông hoạt động độc lập với tổ chức tư vấn thiết kế đã lập hồ sơ dự án, thiết kế công trình.

Điều 31. Chi phí thẩm tra an toàn giao thông

Chi phí thẩm tra an toàn giao thông được tính vào tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo; được sử dụng trong nguồn tài chính dành cho quản lý, bảo trì đường bộ đối với công trình đường bộ đang khai thác.

Chi phí thẩm tra an toàn giao thông thực hiện theo Thông tư số 45/2011/TT-BGTVT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ xây dựng mới; công trình nâng cấp, cải tạo.

Điều 32. Trình tự, nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông

Thực hiện theo quy định từ Điều 52 đến Điều 59 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương V
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 33. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

5. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

6. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng công an và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

7. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

8. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

9. Hướng dẫn về tốc độ, tải trọng cho phép chạy trên đường, cấp giấy phép các loại xe quá khổ, quá tải, bánh xích theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 34. Công an tỉnh có trách nhiệm

1. Chỉ đạo lực lượng công an tổ chức tuần tra kiểm soát trên đường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

3. Chỉ đạo công an cấp huyện hỗ trợ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện cưỡng chế giải tỏa lấn, chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ.

Điều 35. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng, Thông tư số 16/2009/TT- BXD, ngày 30/06/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị và các quy định hiện hành về quản lý hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, công trình điện dọc theo đường bộ phù hợp với quy hoạch và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh và nguồn hỗ trợ đối với đường giao thông nông thôn đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng trong việc cấp phép lắp đặt biển quảng cáo theo đúng quy hoạch và quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

9. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình liên quan đến hành lang an toàn đường bộ thì phải được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 07 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 36. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thành phố quản lý.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với lực lượng Công an, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đường bộ, xử lý lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả quốc lộ, các tuyến đường tỉnh trên địa bàn quản lý).

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông được phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

e) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc xã quản lý.

b) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ; bảo vệ các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng đã được bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm; phát hiện, ngăn chặn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả quốc lộ, các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trên địa bàn quản lý).

đ) Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị tại chỗ để bảo vệ công trình giao thông theo phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

Điều 37. Trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ của chủ đầu tư, nhà thầu thi công các công trình giao thông đường bộ

1. Các chủ đầu tư, các nhà thầu thi công trên các đoạn đường theo dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa phải có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ trong suốt thời gian thi công kể từ khi nhận đường cho đến khi bàn giao lại đường cho đơn vị quản lý khai thác.

2. Các chủ đầu tư khi bàn giao công trình đã hoàn thành cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ giải phóng mặt bằng, mốc giải phóng mặt bằng và mốc chỉ giới hành lang đường bộ (mốc lộ giới) nếu có.

Điều 38. Phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc xây dựng công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ phải được thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Việc xây dựng công trình đường bộ có liên quan đến công trình thủy lợi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan phòng, chống lụt, bão, chống hạn, chống úng có thể sử dụng công trình giao thông đường bộ để thực hiện và có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng thái ban đầu của công trình giao thông đường bộ.

3. Trường hợp cơ quan quản lý công trình đường bộ và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình, thì việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công trình phải kết hợp với nhau.

4. Việc xây dựng công trình mới làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình có trước hoặc làm trở ngại đến tác dụng của công trình đó thì cơ quan chủ quản công trình xây dựng mới phải có biện pháp xử lý bằng kỹ thuật theo sự thỏa thuận của cơ quan chủ quản công trình cũ bị ảnh hưởng và chịu phí tổn để sửa chữa, khôi phục. Nếu đồng thời muốn cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình có trước, thì cơ quan chủ quản công trình cũ phải đầu tư phần tăng thêm.

5. Việc quản lý, sử dụng những đoạn đê vừa là đường giao thông, vừa là đê phải tuân theo pháp luật về bảo vệ đê điều và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo an toàn đê điều.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Hiệu lực thi hành.

Những quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung khác có liên quan chưa được quy định trong quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 40. Tổ chức thực hiện.

Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp, báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

PHỤ LỤC 1
Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33../2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

(1) _____
(2) _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... ....., *ngày..... tháng.....năm 201.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi: .....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày ...../...../2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình

- (...5...)

(.....2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....
Số điện thoại: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, tỉnh lộ, địa phương; ví dụ "Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.455, địa phận tỉnh huyện".

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình.

(7) Ghi rõ tên đường xin xây dựng công trình, vị trí xây dựng công trình: lý trình, phía bên trái hoặc bên phải , các vị trí cắt ngang qua đường (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ đối với công trình đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 2

Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

(kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi: .....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày ...../...../2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- (...5...)

(.....2....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ "Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.455, địa phận tỉnh huyện.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 3

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình

(kèm theo Quyết định số 33./2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... ....., *ngày..... tháng.....năm 201.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: .....(...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày ...../...../2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình

- Căn cứ (...5..);

(.....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực

hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi rõ tên đường xin xây dựng công trình, vị trí xây dựng công trình: lý trình, phía bên trái hoặc bên phải, các vị trí cắt ngang qua đường (nếu có)

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

PHỤ LỤC 4

Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh đấu nối vào đường địa phương

(kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

(1) **NAM**

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi: .....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ; Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày ...../...../2014 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình

- (...5...)

(.....2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(…2…) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu VT.

(……2…..)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ "Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến..".

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đấu nối đường nhánh.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh
Thời gian ký số:
29/12/2014 14:45:51